TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/DS-PT.
Ngày: 18/11/2019
V/v:"Tranh chấp về HĐ chuyển nhượng QSDĐ và chia thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLPT- DS ngày 16/7/2019 về việc: "Tranh chấp về HĐ chuyển nhượng QSDĐ và chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2019/QĐ-PT ngày 02/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa và Quyết định tạm ngừng phiên tòa giữa:

Đồng Nguyên đơn:

1. Chị Nghiêm Thị A, sinh năm 1983, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Yên Tr, xã Trường Y, huyện Trương M, TP Hà Nội

2. Anh Nghiêm Văn T, sinh năm 1988, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn V, xã Thanh L, huyện Thanh T, TP Hà Nội

Chị A và anh T đều ủy quyền cho:

- Ông Nghiêm Mạnh T1, sinh năm 1960, (bố của chị A và anh T) có địa chỉ: Thôn Q, xã Ngọc S, huyện H, (có mặt);

- Bà Võ Thị An B – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Dân A-Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang đại diện, (có mặt).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Luật sư Võ Thị An B – Văn phòng Luật sư Dân A- Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

3. Chị Nghiêm Thị Y, sinh năm 1985, (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 6, xã Nghi Ph, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An.

Ủy quyền cho ông Nghiêm Mạnh T1, (bố chị Y).

Bị đơn:

1- Cụ Nghiêm Thị H sinh, năm 1932, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ngọc S, huyện H tỉnh Bắc Giang.

cụ H Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nghiêm Thị H1 sinh năm 1959 (con dâu cụ H, có mặt.

2 - Cụ Hà Văn S sinh năm 1932, (đã chết ngày 15/8/2013).

*Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ S:

2.1. Cụ Nghiêm Thị H, sinh năm 1932, vợ cụ S, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nghiêm Thị H1 sinh năm 1959, có mặt.

2.2. Ông Hà Ngọc A1 sinh 1958, con trai cụ S, chồng bà H1, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 36, Ngõ 255, phường Đằng H, Quận Hải A, TP Hải Phòng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông A1:

Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Như Q đều là trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang, đều có mặt.

2.3. Ông Hà Văn M, sinh năm 1970, con trai cụ S, (vắng mặt);

2.4. Ông Hà Mạnh H2, sinh năm 1963, con trai cụ S, (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn Q, xã Ngọc S, huyện H tỉnh Bắc Giang.

2.5. Bà Hà Thị Th, sinh năm 1950, con gái cụ S, (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh Bắc Giang – vắng mặt.

2.6. Bà Hà Thị H3, sinh năm 1966, con gái cụ S, (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã Lương Ph, huyện H, tỉnh Bắc Giang – vắng mặt.

2.7. Bà Hà Thị S1, sinh năm 1952, con gái cụ S, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 57, thôn Đức C, xã Thịnh Đ, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng.

2.8. Bà Hà Thị L, sinh năm 1972, con gái cụ S, (vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Q, xã Ngọc S, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn M, sinh năm 1970, vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1954, vắng mặt, con dâu cụ S, vợ ông Hà Văn S2 - đã chết.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ngọc S, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Trần Duy N sinh năm sinh 1958, (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ngọc S, huyện H tỉnh Bắc Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N: Bà Nguyễn Thị H4 (Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm chợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang) – có mặt.

4. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, do ông Ngô Tiến D – Chủ tịch UBND huyện đại diện, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đồng Nguyên đơn là chị Nghiêm Thị A, anh Nghiêm Văn T, chị Nghiêm Thị Y trình bầy: Các anh chị là con của ông Nghiêm Mạnh T1 và bà Hà Thị Ch. Năm 1996, ông T1, bà Ch ly hôn, theo bản án số 24/DS1- PT ngày 12/4/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc nay là tỉnh Bắc Giang thì bà Ch được chia một số tài sản và được quyền sử dung một phần diện tích đất ở (đo năm 2005) có diện tích là 735m^2 giáp với đất của ông T1. Ngoài ra bà Ch còn có phần đất nông nghiệp theo định suất ruộng. Sau khi ly hôn thì bà Ch về ở chung với bố mẹ đẻ của bà Ch là cụ Nghiêm Thị H và cụ Hà Văn S (ông bà ngoại của các anh chị). Ngày 25/8/3003, bà Ch chết không để lại di chúc.

Sau khi bà Ch chết, cụ S và cụ H đã bán một số cây cối lâm lộc trên đất của bà Ch được khoảng 11.200.000đ, còn phần đất ở của bà Ch thì cụ H và cụ S đã bán cho ông Trần Duy N. Khi ông N chuẩn bị nguyên vật liệu để xây tường trên phần đất này thì các anh chị đã đã làm đơn kiến nghị đến UBND xã Ngọc S đề nghị giải quyết. UBND xã Ngọc S đã tiến hành hòa giải các bên nhưng không có kết quả. Khi đó cụ H đã nói cho các anh chị biết là bà Ch đã lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho cụ H. Tháng 12/2003, cụ H đã có Đơn kê khai xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần đất của bà Ch. Ngày 29/9/2005, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số X 006760 mang tên hộ cụ Nghiêm Thị H.

Nay, các anh chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Đề nghị không công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Ch với cụ H và đề nghị không công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa cụ H với ông N;

- Đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận QSDĐ số X 006760 ngày 29/9/2005 do UBND huyện H cấp mang tên hộ cụ Nghiêm Thị H;

- Đề nghị chia di sản thừa kế của bà Ch là phần đất nông nghiệp theo định suất ruộng của bà Ch và 735m^2 đất ở (được đo đạc lại là 946,7 m^2) cùng cây cối lâm lộc trên phần đất của bà Ch theo quy định của pháp luật.

Đồng bị đơn là cụ Nghiêm Thị H, cụ Hà Văn S đều trình bày:

Hai cụ sinh được 9 người con, ông Hà Văn S2, (đã chết năm 2004 có vợ là bà Nguyễn Thị Th1), ông Hà Ngọc A1, ông Hà Văn M, bà Hà Thị Th, bà Hà Thị H3, bà Hà Thị S1, bà Hà Thị Ch (chết 2003), ông Hà Mạnh H2, bà Hà Thị L.

Bà Ch kết hôn với ông T1, sinh được 3 người con là anh Nghiêm Văn T, chị Nghiêm Thị A và chị Nghiêm Thị Y. Năm 1996 ông T1 và bà Ch ly hôn, bà Ch được chia một thửa đất thổ cư diện tích là 735m^2 và 696m^2 phần đất nông nghiệp thuộc tiêu chuẩn định suất ruộng của bà Ch.

Sau khi ly hôn với ông T1, bà Ch về chung sống với cụ H và cụ S, bà Ch thường xuyên ốm đau và phải đi viện điều trị, việc chi phí chữa bệnh cho bà Ch rất tốn kém. Cụ H và cụ S đã phải đi vay mượn tiền ở nhiều nơi để chữa bệnh cho bà Ch. Do bà Ch không có tiền chữa bệnh nên ngày 10/5/2003 bà Ch đã chuyển nhượng thửa đất mà bà Ch đã được chia khi ly hôn với ông T1 cho cụ H và cụ S với giá tiền là 5.000.000đ để trả nợ. Việc mua bán chuyển nhượng được lập thành văn bản và được xác nhận của ông Trần Độ là Trưởng thôn Q. Ngày 25/8/2003, bà Ch chết, cụ H và cụ S đã lo mai táng cho bà Ch. Từ khi bà Ch về nhà ở cùng cụ H và cụ S đến khi bà Ch chết, các con của bà Ch không quan tâm đến bà Ch và không đến chịu tang bà Ch theo phong tục tập quán. Một thời gian sau, cụ H và cụ S đã làm thủ tục kê khai xin cấp Giấy chứng nhân QSDĐ. Ngày 29/9/2005, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình cụ Nghiêm Thị H với phần đất nói trên. Sau đó cụ H và cụ S đã bán toàn bộ cây cối hoa lợi trên phần đất này cho người khác và chuyển nhượng QSDĐ cho ông Trần Duy N với giá 6.500.000đ. Nay, các con của bà Ch đề nghị chia di sản thừa kế là QSDĐ của bà Ch thì cụ H và cụ S đều không đồng ý vì phần đất này đã được bà Ch chuyển nhượng cho cụ H trước khi bà Ch chết, phần đất tranh chấp này không còn di sản thừa kế của bà Ch để phân chia.

Ông Hà Ngọc A1, ông Hà Mạnh H2, bà Hà Thị Th, bà Hà Thị H3, bà Hà Thị S1 đều trình bầy: Các ông bà đều là con của cụ H và cụ S. Các ông bà đồng nhất với ý kiến của cụ S và cụ H và không có yêu cầu gì.

Bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà là vợ ông S2 (là con dâu cụ S và cụ H), ông S2 đã chết năm 2004. Sau khi bà Ch chết, cụ S đã giao cho bà sử dụng phần đất ruộng của bà Ch và cụ S giao cho bà có trách nhiệm thờ cúng bà Ch. Sau khi cụ S chết (năm 2013), cụ H đã giao phần đất ruộng của bà Ch cho ông Hà Văn M quản lý, sử dụng. Nay bà không có yêu cầu gì.

Ông Hà Văn M trình bày: Ông là con của cụ H và cụ S, sau khi cụ S chết, cụ H đã giao cho ông quản lý, sử dụng phần đất ruộng của bà Ch, nếu Tòa án buộc ông phải trả lại phần đất ruộng này cho các con của bà Ch thì ông cũng đồng ý và không có yêu cầu gì.

Ông Trần Duy N trình bầy: Năm 2005, ông đã nhận chuyển nhượng của cụ H, cụ S thửa đất có diện tích là 735m^2 (được đo thực tế có diện tích 946,7m^2) trên đất có cây cối hoa lợi, đất đã có Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên hộ cụ Nghiêm Thị H với giá 6.500.000đ, còn phần cây cối hoa lợi trên đất thì cụ H, cụ S đã bán cho người khác. Ông đã trả đủ tiền cho cụ H và ông làm thủ tục đề nghị UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nhưng anh T, chị A đã có đơn khởi kiện cho nên việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông không thể thực hiện được. Phần đất này đã được ông đã nhận chuyển nhượng của cụ H đã được ông đã sử dụng từ năm 2005 cho đến nay, ông đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông và cụ H.

Ủy ban nhân dân huyện H do ông Ngô Tiến D – Phó Chủ tịch UBND huyện (nay là Chủ tịch UBND huyện) đại diện trình bày: Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình cụ H thể hiện thì ngày 02/12/2003, hộ gia đình cụ H đã kê khai xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích 735m^2 tại thôn Q, xã Ngọc S, huyện H, nguồn gốc ghi "Đất thổ cư cũ", Đơn kê khai của cụ H chỉ có xác nhận của Trưởng thôn Q mà chưa có xác nhận của UBND xã Ngọc S. Ngày 29/9/2005, UBND huyện H đã cấp Giấy CNQSD đất số X 006760 mang tên hộ cụ Nghiêm Thị H. Việc cụ H đã tự kê khai nguồn gốc đất là "Đất thổ cư cũ" là không đúng với thực tế vì đây là phần đất cụ H đã nhận chuyển nhượng của bà Ch. Hơn nữa, Đơn xin đăng ký QSDĐ của cụ H cũng chưa có xác nhận của UBND xã Ngọc S nên thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ, việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của UBND huyện H là không đúng quy định của pháp luật.

Bà Hà Thị L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ S đã vắng mặt tại nơi cư trú nhiều năm nay, không có tin tức gì. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bà Luyện không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 là người đại diện của đồng Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là: Các đồng Nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất ở của bà Ch. Đối với phần ruộng canh tác và các tài sản khác trên phần đất ở thì các đồng Nguyên đơn không yêu cầu.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Toà án nhân dân huyện H đã áp dụng các Điều 26, 34, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, các Điều 271, 273 BLTTDS; các Điều 634, 688, 697, 698 BLDS năm

2005; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ đã xử:

Xác định diện tích đất thổ cư 735m^2 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số X 006760 ngày 29/9/2005 của UBND huyện H cấp cho hộ cụ Nghiêm Thị H (đo thực tế là 946,7m^2) tại thôn Q xã Ngọc S không phải là di sản do bà Hà Thị Ch để lại.

Bác yêu cầu của anh Nghiêm Văn T, chị Nghiêm Thị A, chị Nghiêm Thị Y về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất thổ cư 735m^2 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số X 006760 ngày 29/9/2005 của UBND huyện H cấp cho hộ cụ Nghiêm Thị H (đo thực tế là 946,7m^2) tại thôn Q, xã Ngọc S.

Bác yêu cầu của anh Nghiêm Văn T, chị Nghiêm Thị A, chị Nghiêm Thị Y về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu đối với các Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Hà Thị Ch và cụ Nghiêm Thị H, giữa cụ Nghiêm Thị H và ông Trần Duy N.

Bác yêu cầu của anh Nghiêm Văn T, chị Nghiêm Thị A, chị Nghiêm Thị Y về việc hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số X 006760 ngày 29/9/2005 của UBND huyện H cấp cho hộ cụ Nghiêm Thị H.

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa cụ Nghiêm Thị H và ông Trần Duy N xác lập ngày 28/10/2005. Ông N phải hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của cụ H.

Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của chị Nghiêm Thị A, Nghiêm Thị Y và anh Nghiêm Văn T về yêu cầu chia di sản thừa kế là ruộng canh tác và cây cối lâm lộc trên phần đất thổ cư của bà Ch.

- Về án phí DSST: Anh T, chị A, chị Y mỗi người phải chịu 7.229.300đ. Xác nhận mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 75.000đ theo các Biên lai số 003910; 003849; 003848 ngày 04/01/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, mỗi người còn phải nộp tiếp 7.154.300đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí định giá:

Nghiêm Văn T, chị Nghiêm Thị A, chị Nghiêm Thị Y phải chịu 150.000đ chị phí định giá (đã nộp đủ).

Cụ Nghiêm Thị H thỏa thuận chịu 200.000đ chi phí định giá lại (đã nộp đủ).

Ông Trần Duy N thỏa thuận chịu 1.400.000đ chi phí định giá lại (đã nộp đủ).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2019, đồng Nguyên đơn là chị Nghiêm Thị A; anh Nghiêm Văn T; chị Nghiêm Thị Y nộp kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông T1 đại diện cho các đồng Nguyên đơn đề nghị giám định chữ viết và chữ ký "Ch" trong Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Ch và cụ H ngày 10/5/2003.

Tại kết luận giám định số 1733 ngày 04/11/2009 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã nêu: Chữ ký dạng chữ viết mang tên bà Hà Thị Ch tại mục "người chuyển nhượng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A0 so với chữ ký dạng chữ viết "Ch" trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) là không phải cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng Nguyên đơn là chị Nghiêm Thị A; anh Nghiêm Văn T; chị Nghiêm Thị Y đều do ông Nghiêm Mạnh T1 đại diện theo ủy quyền đều không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Đồng Nguyên đơn là chị Nghiêm Thị A; anh Nghiêm Văn T; chị Nghiêm Thị Y đều do ông Nghiêm Mạnh T1 đại diện theo ủy quyền và Luật sư Võ Thị An Bình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T đều trình bầy: Việc bà Ch lập Hợp đồng chuyển nhượng đất cho cụ H ngày 10/5/2003 khi bà Ch đã ốm nặng và không còn minh mẫn nữa. Chữ ký trong Hợp đồng chuyển nhượng không phải là chữ ký của bà Ch do vây việc chuyển nhượng QSDĐ giữa các bên là không hợp pháp. Khi các bên đang có tranh chấp về QSDĐ và UBND xã Ngọc S đã lập Biên bản hòa giải về tranh chấp đất nhưng cụ H vẫn được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nên việc UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho cụ H cũng là không hợp pháp. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm đã xử.

+ Bà Nghiêm Thị H1 đã trình bầy: Bà là vợ ông A1 và là người đại diện theo ủy quyền của cụ H, nay bà được biết kết quả giám định chữ ký "Chanh" trong Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Ch với cụ H không phải chữ ký của bà Ch. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hà Ngọc A1: Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Như Q (đều là Trợ giúp viên pháp lý) đều trình bầy: Trường hợp xác định Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Ch với cụ H là vô hiệu thì cần xác định cụ H và cụ S là người có công sức nuôi dưỡng, chăm sóc cho bà Ch lúc bà Ch bị ốm. Khi bà Ch chết thì cụ H và cụ S là người lo mai táng cho bà Ch.

+ Ông Trần Duy N và bà Nguyễn Thị H4 (Trợ giúp viên pháp lý) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N đều trình bầy: Ông N là người nhận chuyển nhượng QSDĐ của cụ H từ năm 2005 đến nay. Ông N được coi là người thứ 3 ngay tình nên được pháp luật bảo vệ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của đồng Nguyên đơn là chị Nghiêm Thị A; anh Nghiêm Văn T; chị Nghiêm Thị Y: Hủy bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Cụ Nghiêm Thị H và cụ Hà Văn S (chết ngày 15/8/2013) sinh được 9 người con gồm: Ông Hà Văn S2, (đã chết năm 2004, ông S2 có vợ là bà Nguyễn Thị Th1), ông Hà Ngọc A1, ông Hà Văn M, bà Hà Thị Th, bà Hà Thị H3, bà Hà Thị S1, bà Hà Thị Ch, ông Hà Mạnh H2, bà Hà Thị L.

Bà Hà Thị Ch kết hôn với ông Nghiêm Mạnh T1 năm 1983 và đã có 03 người con là chị Nghiêm Thị A, anh Nghiêm Văn T, chị Nghiêm Thị Y. Năm 1996, ông T1 làm đơn xin ly hôn bà Ch.

Bản án số 24/DS1-PT ngày 12/4/1996 của Tòa án tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) đã giải quyết cho ông T1 được ly hôn bà Ch. Về con chung: Anh T được giao cho bà Ch nuôi dưỡng; ông T1 có trách nhiệm nuôi chị A và chị Y. Về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng: Bà Ch được chia một số tài sản và được quyền sử dụng một phần đất ở (đo năm 2005) có diện tích là 735m^2 giáp với đất của ông T1, (diện tích đất đo thực tế là 946,7m^2) tại thôn Q, xã Ngọc S, huyện H.

Sau khi ly hôn, bà Ch đã về sống cùng với bố mẹ đẻ bà Ch là cụ H và cụ S Anh T không ở cùng bà Ch mà được ông T1 nuôi dưỡng. Ngày 25/8/2003, bà Ch chết.

Cụ H và cụ S và các con của cụ H, cụ S đều trình bầy: Từ khi bà Ch về ở với cụ H và cụ S thì bà Ch thường xuyên ốm đau và phải đi viện điều trị, việc chi phí chữa bệnh cho bà Ch rất tốn kém, gia đình đã phải đi vay mượn nhiều nơi để chạy chữa cho bà Ch. Do không còn tiền để chữa bệnh cho bà Ch nên cụ H và cụ S phải vay nợ rất nhiều. Ngày 10/5/2003, bà Ch đã lập Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất (mà bà Ch được chia khi ly hôn với ông T1) cho cụ H và cụ S với số tiền 5.000.000đ. Ngày 15/5/2003, ông Trần Đ là trưởng thôn Q đã xác nhận vào Hợp đồng và ngày 24/01/2006, UBND xã Ngọc S đã đóng dấu xác nhận vào Hợp đồng chuyển nhượng. Một thời gian sau, cụ H đã làm thủ tục kê khai đề nghị UBND huyện H cấp Giấy

chứng nhân QSDĐ. Ngày 29/9/2005, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhân QSDĐ số X 006760 vào sổ số 023888/QSDĐ/53/2004/QĐ-UB ngày 29/9/2005 mang tên "Hộ bà Nghiêm Thị H" với diện tích đất là 735m^2 (đo thực tế hiện nay là 946,7m^2) trong đó đất ở 360 m^2, còn lại 586,7m^2 là đất vườn. Sau đó cụ H và cụ S đã bán toàn bộ cây cối hoa lợi trên đất. Ngày 28/10/2005, cụ H và cụ S đã lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với phần đất trên cho ông Trần Duy N giá 6.500.000đ.

Các đồng Nguyên đơn đã trình bầy: Bà Ch chết không để lại di chúc. Ngày 16/9/2005, anh T có đơn đề nghị UBND xã Ngọc S hòa giải về việc tranh chấp đất đai với cụ H (được xác nhận của UBND xã Ngọc S ngày 20/9/2005, BL 08). UBND xã Ngọc S đã tiến hành hòa giải nhiều lần không có kết quả (lần 1 ngày 21/10/2005; lần hai ngày 24/12/2005), (BL 09, 05). Mặc dù đất đang có tranh chấp nhưng ngày 29/9/2005 UBND huyện H vẫn cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho cụ H nên việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho cụ H là không hợp pháp.

Nay, chị A, anh T, chị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận việc chuyển nhượng đất giữa bà Ch và cụ H, giữa cụ H và ông N; hủy bỏ Giấy chứng nhận QSDĐ số X 006760 ngày 29/9/2005 do UBND huyện H cấp mang tên hộ cụ Nghiêm Thị H; yêu cầu chia di sản của bà Ch là QSDĐ đối với phần đất có diện tích 735m^2 đất ở (diện tích thực tế là 946,7m^2) tại thôn Q, xã Ngọc S, huyện H.

Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của các đồng Nguyên đơn.

Sau khi xét xử: Chị A, anh T, chị Y nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Xét kháng cáo của chị A, anh T, chị Y về việc đề nghị chia thừa kế là phần đất có diện tích 735m^2 (diện tích thực tế là 946,7m^2) tại thôn Q, xã Ngọc S, huyện H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, anh T đã đề nghị giám định chữ viết "Ch" trong Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Ch và cụ H ngày 10/5/2003

Tại kết luận giám định số 1733 ngày 04/11/2009 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã nêu: Chữ ký dạng chữ viết mang tên bà Hà Thị Ch tại mục "người chuyển nhượng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A0 so với chữ ký dạng chữ viết "Ch" trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) là không phải cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, theo kết luận giám định nói trên thì phải xác định bà Ch đã không ký vào Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 10/5/2003. Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Ch và cụ H là không hợp pháp và từ đó xác định Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa cụ H và ông N cũng là không hợp pháp.

Phần đất tranh chấp có diện tích 735m^2 đất ở (được đo đạc lại là 946,7m^2) tại thôn Q, xã Ngọc S, huyện H được xác định là di sản thừa kế của bà Ch. Do vậy kháng cáo của chị A, anh T, chị Y đề nghị chia di sản thừa kế của bà Ch đối với phần đất nói trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, để thực hiện 02 cấp xét xử và xét thấy cần phải thu thập chứng cứ đối với công sức của cụ H và cụ S về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, chữa bệnh cho bà Ch khi bà Ch bị ốm; các chi phí của cụ H và cụ S khi lo mai táng cho bà Ch và giải quyết hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa cụ H và ông N (nếu các đương sự có yêu cầu), Hội đồng xét xử xét thấy: Cần phải áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục tố tụng dân sự.

Các đương sự chưa phải nộp án phí DSST và án phí DSPT.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của chị A, anh T, chị Y: Hủy bản án sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Toà án nhân dân huyện H.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục tố tụng dân sự.

Các đương sự chưa phải nộp án phí DSST và án phí DSPT.

Hoàn trả chị Nghiêm Thị A 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số AA/2017/0000290 ngày 11/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;

Hoàn trả anh Nghiêm Văn T 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số AA/2017/0000289 ngày 11/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;

Hoàn trả chị Nghiêm Thị Y 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số AA/2017/0000291 ngày 11/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

-Toà án nhân dân huyện H;
-Chi cục THADS huyện H;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền